

Số: 1240/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan**  
**thuộc tỉnh Bình Phước năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1580/TTr-SNV ngày 30/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan thuộc tỉnh Bình Phước năm 2023 (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định phê duyệt cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan thuộc tỉnh Bình Phước năm 2023 là cơ sở để cán bộ, công chức của các cơ quan tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023 do Bộ Nội vụ tổ chức.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP, P.NC;
- Lưu: VT, (T162QĐ).



**Trần Tuệ Hiền**

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC CỦA CÁC CƠ QUAN THUỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 02/ 8 /2023 của UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số biên chế được giao năm 2023	Cơ cấu ngạch công chức					Ghi chú
			Chuyên viên cao cấp hoặc TĐ	Chuyên viên chính hoặc TĐ	Chuyên viên hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	<b>Tổng số lượng</b>	<b>414</b>	<b>26</b>	<b>140</b>	<b>248</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh	10	10	0	0	0	0	
2	Sở Nội vụ	60	4	27	29	0	0	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37	3	17	17	0	0	
4	Sở Tư pháp	27	3	9	15	0	0	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	184	4	50	130	0	0	
6	Sở Ngoại vụ	16	1	8	7	0	0	
7	UBND thành phố Đồng Xoài	80	1	29	50	0	0	